

# Phát triển bền vững các tổ chức tài chính vi mô Việt Nam và những vấn đề đặt ra

PGS. TS. LÊ VĂN LUYỆN - TS. NGUYỄN ĐỨC HẢI

*Tại Việt Nam những năm qua, ngành tài chính vi mô (TCVM) đã đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế- xã hội, đặc biệt là với công cuộc giảm nghèo. Bên cạnh hoạt động của các tổ chức tín dụng (TCTD) như Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Hợp tác xã, các Quỹ tín dụng nhân dân, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, một số ngân hàng thương mại khác... cũng có những tổ chức cung cấp TCVM với quy mô nhỏ đang hoạt động khá hiệu quả. Bài viết chủ yếu bàn về các tổ chức cung cấp TCVM quy mô nhỏ, qua đó đánh giá thực trạng và một số vấn đề đặt ra trong phát triển bền vững của các tổ chức TCVM tại Việt Nam.*





Từ khóa: *Phát triển bền vững, tài chính vi mô, tổ chức tài chính vi mô.*

*Handbook”, WorldBank.*

## 1. Đặt vấn đề

Tại Việt Nam, trong những năm qua, ngành tài chính vi mô (TCVM) đã đóng vai trò hết sức quan trọng đối với việc phát triển kinh tế- xã hội, đặc biệt là với công cuộc giảm nghèo khi các tổ chức TCVM hoạt động với mục đích cung cấp dịch vụ tài chính nhằm đáp ứng nhu cầu của các cá nhân, hộ gia đình có thu nhập thấp và doanh nghiệp siêu nhỏ. Trong bối cảnh đó, sự phát triển bền vững của các tổ chức tài chính vi mô được xem như điều kiện tiên quyết để các tổ chức này hoàn thành được vai trò quan trọng của mình.

Hiện nay, các tổ chức tài chính vi mô tại Việt Nam được chia thành 2 loại: Tổ chức TCVM chính thức (Tổ chức do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp phép hoạt động); Tổ chức TCVM bán chính thức (Tổ chức do các Bộ, Ngành, Chính quyền địa phương, Tổ chức chính trị, Tổ chức chính trị- xã hội cấp phép hoạt động).

Phạm vi nghiên cứu của bài viết này tập trung vào mức độ bền vững của các Tổ chức TCVM chính thức và bán chính thức. Những tổ chức được lựa chọn trong mẫu nghiên cứu là những tổ chức có số lượng khách hàng lớn, hoạt động định hướng chuyên nghiệp, có số liệu, thông tin cập nhật rõ ràng, có sự đánh giá minh bạch và được quốc tế đánh giá cao (Được xếp hạng 3/5 của The Mixmarket).

Trên thế giới có nhiều quan điểm khác nhau đánh giá sự bền vững hoạt động của tổ chức TCVM. Trong khuôn khổ bài viết này, phát triển bền vững trong hoạt động của các tổ chức TCVM được đánh giá theo quan điểm của Ngân hàng Thế giới. Đây là quan điểm được nhiều tổ chức áp dụng và dựa trên 2 mức độ: Bền vững về hoạt động và Bền vững về tài chính.

Theo Ngân hàng Thế giới (WB), bền vững về hoạt động (OSS) đối với tổ chức TCVM là khi thu nhập từ hoạt động của tổ chức đủ bù đắp các chi phí hoạt động, chi phí vốn vay và dự phòng mất vốn.

**OSS = Thu nhập từ hoạt động / (Chi phí hoạt động + Chi phí vốn vay + Dự phòng mất vốn)**

*Nguồn: J.Ledgerwood (2013), “The New Microfinance*

Trong khi đó, bền vững về tài chính (FSS) là khả năng mà tổ chức TCVM có đủ thu nhập để trang trải các chi phí hoạt động, chi phí tài chính, dự phòng mất vốn và chi phí vốn điều chỉnh. Tiêu chuẩn đảm bảo bền vững về tài chính là khi chỉ số FSS đạt tối thiểu 100%.

**FSS = Thu nhập từ hoạt động / (Chi phí hoạt động + Chi phí vốn vay + Dự phòng mất vốn + Chi phí tài chính)**

*Nguồn: J.Ledgerwood (2013), “The New Microfinance Handbook”, WorldBank.*

Ngoài hai chỉ số trên, tính bền vững trong hoạt động của tổ chức TCVM còn có thể được xem xét dựa trên khả năng sinh lời của tổ chức qua hai chỉ số về mức độ sinh lời trên tổng tài sản bình quân (ROA) và mức độ sinh lời trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE). Tùy theo dữ liệu, các tổ chức TCVM có thể sử dụng FSS hoặc ROA để phân tích mức độ bền vững. Theo thông lệ quốc tế, ROA > 2% là Tổ chức TCVM đạt được mức độ hiệu quả tốt.

**ROA = Thu nhập ròng / Tổng tài sản bình quân**  
**ROE = Thu nhập ròng / Vốn tự có trung bình**

Từ quan điểm của WB, chúng tôi xem xét mức độ bền vững của các tổ chức TCVM Việt Nam dựa trên nguồn số liệu hiện có (dù hạn chế) để phân tích.

## 2. Thực trạng của các tổ chức tài chính vi mô Việt Nam

### 2.1. Giới thiệu về các loại hình tổ chức TCVM tại Việt Nam

- Tổ chức TCVM được Ngân hàng Nhà nước (NHNN) cấp phép hoạt động: Đây là loại hình TCTD được thành lập theo Nghị định 28/2005/NĐ-CP và Nghị định 165/2007/NĐ-CP về hoạt động của các tổ chức tài chính quy mô nhỏ (từ 2010 được gọi là tổ chức TCVM- Luật Các TCTD) và do NHNN cấp phép thành lập.

- Các quỹ xã hội, quỹ từ thiện: Được thành lập và hoạt động theo Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12/04/2012 quy định về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện do Bộ Nội vụ cấp phép thành lập.

- Các quỹ thuộc tổ chức Hội (tổ chức phi Chính phủ trong nước): Được thành lập thuộc các tổ chức hội theo Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010



**Bảng 1. Tổng tài sản của một số tổ chức TCVM (2012- 2014)**

TT	Tên tổ chức	Tổng tài sản (VND)			Tăng trưởng (%)		
		2012	2013	2014	2013	2014	BQ
1	Tổ chức Anh Chị Em	11.194.752.873	18.693.606.795	22.169.785.814	66,99	18,60	42,79
2	Quỹ HTPT An Phú	3.647.546.400	4.042.184.130	4.829.023.281	10,82	19,47	15,14
3	TC TCVM- Bến Tre	19.505.015.070	29.145.106.671	37.340.540.423	49,42	28,12	38,77
4	Quỹ HTPT Vũng Tàu	41.186.137.755	46.341.236.918	51.707.769.868	12,52	11,58	12,05
5	Quỹ CEP Tp. HCM	1.236.374.378.000	1.513.473.299.512	1.856.010.000.000	22,41	22,63	22,52
6	M7 Điện Biên	6.696.127.167	7.188.355.926	7.869.268.956	7,35	9,47	8,41
7	M7 STU	4.214.895.117	8.922.658.697	13.859.650.169	111,69	55,33	83,51
8	MOM Tiền Giang	77.404.500.429	98.009.824.647	128.340.413.440	26,62	30,95	28,78
9	Tổ chức SEDA	24.872.222.168	21.738.809.655	22.426.767.287	-12,60	3,16	-4,72
10	TCVM Thanh Hóa	55.428.118.695	76.081.405.004	109.819.290.253	37,26	44,34	40,80

Nguồn: Tổng hợp từ The Mixmarket

quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội do các tổ chức Hội, Đoàn thể thành lập.

- Các quỹ thuộc tổ chức phi Chính phủ quốc tế (INGO): Được thành lập thuộc các tổ chức hội theo Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội do Bộ Ngoại giao cấp phép hoạt động.

Ngoài ra còn nhiều tổ chức TCVM khác do các chính quyền địa phương, tổ chức chính trị, xã hội... thành lập không theo những quy định pháp lý kể trên.

## 2.2. Một số kết quả hoạt động của các tổ chức tài chính vi mô tại Việt Nam

Do số liệu của một số tổ chức TCVM chưa có sẵn, nên dưới đây xem xét đối với những tổ chức có nguồn số liệu được công bố trên The Mixmarket.

- Về giá trị tổng tài sản

Bảng 1 cho thấy, các tổ chức TCVM đều có sự tăng trưởng về tổng tài sản trong giai đoạn 2012-2014 (trừ SEDA), với mức tăng bình quân các năm trên 23,6%, một số

tổ chức có tỷ lệ tăng trưởng rất cao (Quỹ Anh Chị Em tăng 42,8%), cá biệt tổng tài sản của M7 STU bình quân trên 83%. CEP Tp. Hồ Chí Minh có mức tăng tổng tài sản tương đối ổn định, bình quân đạt mức 22,52% với tổng tài sản năm 2014 đạt 1.856 tỷ đồng, lớn hơn nhiều lần tổ chức TCVM có tổng tài sản đứng vị trí thứ hai là MOM Tiền Giang với trên 128 tỷ đồng. Tổ chức có tổng tài sản nhỏ nhất là Quỹ An Phú chỉ khiêm tốn với 4,83 tỷ đồng. So sánh tổng tài sản của các tổ chức TCVM trên, CEP chiếm tỷ trọng bình quân trên mức 82%, đây là một sự chênh lệch quá lớn và điều này cho thấy đa phần các tổ chức TCVM Việt Nam còn rất nhỏ bé.

- Về số lượng khách hàng

Số lượng khách hàng của các tổ chức TCVM trong giai đoạn 2012-2014 đều tăng qua 3 năm, tỷ lệ

**Bảng 2. Số lượng khách hàng của một số tổ chức TCVM (2012- 2014)**

Tổ chức	Số khách hàng			Tăng trưởng		
	2012	2013	2014	2013	2014	BQ
Quỹ HTPT An Phú	702	755	775	7,55	2,65	5,1
Tổ chức TCVM Bến Tre	5.920	8.500	9.039	43,58	6,34	24,96
M7 Điện Biên	2.494	2.635	2.843	5,65	7,89	6,77
Tổ chức Anh Chị Em	3.389	4.193	4.760	23,72	13,52	18,62
Quỹ HTPT Vũng Tàu (CAFPE)	10.400	10.800	9.800	3,85	-9,26	-2,71
Quỹ HTPT cộng đồng (MFCDI)	4.362	5.462	6.313	25,22	15,58	20,40
Quỹ CEP-Tp.HCM	218.031	242.725	260.810	11,33	7,54	9,39
Trung tâm CWCD	1.350	1.570	1.363	16,30	-13,18	1,56
Tổ chức SEDA	-	4.976	4.323	-	-13,12	-6,56
Tổ chức TCVM Thanh Hóa	-	15.328	17.676	-	15,32	7,66
TCVM MOM Tiền Giang	-	31.967	36.047	-	12,76	6,38

Nguồn: Tổng hợp từ The Mixmarket



**Bảng 3. Bền vững hoạt động (OSS) của các tổ chức TCVM**

Đơn vị tính: %

Tên tổ chức	2013	2014	BQ
Tổ chức Anh Chị Em	72,06	99,14	86,5
Quỹ HTPT An Phú	114,72	114,69	114,7
Tổ chức TCVM Bến Tre	85,10	106,08	95,59
Quỹ HTPT Vũng Tàu (CAFPE)	181,62	181,53	181,57
Quỹ CEP Tp.HCM	155,93	140,95	148,44
Trung tâm CWCD	-	105,30	-
M7 Điện Biên	135,45	146,74	141,1
M7 STU	154,63	123,67	139,15
Quỹ TCVM MFCDI	105,67	100,62	103,14
TCVM MOM Tiền Giang	182,59	168,19	178,39
Trung tâm SEDA	117,06	121,50	119,28
Tổ chức TCVM Thanh Hóa	110,97	129,00	119,98

Nguồn: Tính toán từ nguồn số liệu của The Mixmarket

tăng trưởng bình quân đạt 13,17%. Tuy nhiên mức tăng trưởng lại không đồng đều giữa các tổ chức, một số tổ chức đạt mức tăng trưởng khách hàng trên 20%, TCVM Bến Tre đạt mức tăng bình quân thậm chí tới 25%, MFCDI 22%, tổ chức Anh Chị Em đạt mức 18,62%. Bên cạnh những tổ chức có số lượng khách hàng tăng trưởng ấn tượng, một số tổ chức như SEDA, CAFPE lại có mức tăng trưởng âm, SEDA số lượng khách hàng sụt giảm tới 13%, CAFPE giảm gần 3%. Trong đó riêng Quỹ CEP có mức tăng trưởng bình quân 9,4% đều đặn qua các năm với tổng số lượng khách hàng năm 2014 đạt trên 260 ngàn khách hàng.

Nếu tính riêng số lượng khách hàng trong năm 2014, tổng số khách hàng của tất cả các tổ chức TCVM cộng lại đạt gần 354.000 khách hàng, riêng khách hàng của CEP chiếm gần 74% tổng số. Tức là số khách hàng của 10 tổ chức cộng lại chỉ ở mức trên 92.000 khách hàng, riêng CEP mỗi năm khách hàng tăng thêm trên 26.000 khách hàng. Như vậy, có một sự chênh lệch lớn giữa CEP với các tổ chức TCVM khác.

### 2.3. Đánh giá về sự bền vững của các tổ chức TCVM

- Đánh giá về sự bền vững hoạt động (OSS)  
 Tính bền vững trong hoạt động của các tổ chức TCVM theo chỉ số OSS bình quân đạt trên 120% trong 2 năm 2013-2014 (có 5 tổ chức), riêng trong

năm 2014, OSS của nhiều tổ chức có sự cải thiện. Một số tổ chức CAFPE, MOM Tiền Giang đạt mức OSS bình quân rất cao trên 160%, thậm chí CAFPE còn có chỉ số OSS bình quân gấp đôi so với tổ chức có chỉ số OSS thấp nhất là Anh Chị Em.

Mặc dù một số tổ chức như Tổ chức Anh Chị Em, TCVM Bến Tre, TCVM MFCDI chưa đạt được mức độ bền vững song chỉ số bền vững của các tổ chức này có xu hướng cải thiện rõ nét. Tổ chức Anh Chị Em có mức cải thiện rất đáng kể từ 72,06% năm 2013 lên mức 99,14% trong năm 2014, đặc biệt TCVM Thanh Hóa và SEDA đã có bước cải thiện đáng khích lệ nhất từ 110,97% và 117,06 năm 2013 tăng lên 129% và 121,5 vào năm 2014 và đạt được sự bền vững hoạt

động theo tiêu chuẩn chung.

#### - Đánh giá về sự bền vững tài chính (FSS)

Về mức độ bền vững tài chính, do thiếu dữ liệu về chi phí tài chính của nhiều tổ chức nên việc tính toán chưa được đầy đủ, nhất là các tổ chức TCVM bán chính thức tại Việt Nam chưa công bố trên trang thông tin chính thức, tuy nhiên với nguồn dữ liệu hiện có thì có thể cho thấy nhiều tổ chức TCVM bán chính thức tại Việt Nam vẫn chưa đạt được sự bền vững về tài chính, tức là có FSS dưới 100%.

#### - Đánh giá theo chỉ số ROA và ROE

Nếu như hệ số ROA cho biết hiệu quả sử dụng tài sản của tổ chức thì ROE lại phản ánh hiệu quả đồng vốn tự có mà tổ chức bỏ ra là bao nhiêu. Theo dữ liệu hiện có, chúng tôi tính toán được thì ROA bình quân của các tổ chức TCVM tại Việt Nam trong giai đoạn 2012-2014 đạt mức 5,35%. Hầu hết các tổ chức đều có mức ROA dương, thậm chí cao hơn hẳn so với các loại hình tổ chức tài chính khác, điển hình là MOM Tiền Giang, CAFPE, CEP, SEDA. So với năm 2013, nhiều tổ chức đã có ROA bị suy giảm nhưng một số tổ chức như: Tổ chức Anh Chị Em, Tổ chức TCVM của Hội Phụ nữ tỉnh Bến Tre có hệ số ROA âm năm 2013 nhưng đã được cải thiện trong năm 2014.

Hệ số ROE của các tổ chức TCVM ở Việt Nam trong giai đoạn 2012-2014 lại có sự suy giảm, từ mức 31,7% năm 2012 đã xuống 17,9% trong năm 2014. Trong khi M7 Điện Biên có mức ROE vượt



**Bảng 4. Khả năng sinh lời của các tổ chức TCVM Việt Nam**

Đơn vị tính: %

Tổ chức	ROA			ROE		
	2012	2013	2014	2012	2013	2014
Tổ chức Anh Chị Em	-21,52	-6,57	-0,17	-94,57	-16,26	-0,42
Quỹ hỗ trợ phát triển An Phú	5,11	2,27	2,55	9,52	4,20	4,64
TCVM Bến Tre	0,52	-2,59	0,86	1,05	-7,69	1,42
CAFPE	9,49	9,13	8,64	21,81	20,33	17,51
CEP	8,73	7,62	5,68	24,81	18,38	18,38
M7 Điện Biên Phủ	8,81	6,71	8,07	150,04	135,45	32,78
SEDA	9,44	3,30	4,15	21,39	8,94	11,76
Tổ chức TCVM Thanh Hóa	7,05	2,00	4,38	18,34	6,94	19,02
M7 STU	1,47	8,98	4,02	13,57	72,35	33,49
TC MOM Tiền Giang	8,68	10,08	8,04	25,17	31,82	21,98
MFCDI	-	0,57	0,06	-	0,97	0,13

Nguồn: Tổng hợp từ Bản tin Tài chính vi mô (The Mixmarket)

trội trong những năm trước (khoảng 135% năm 2013 và 150% năm 2012) lại có xu hướng giảm mạnh trong năm 2014 chỉ còn trên 32%; Tổ chức Anh Chị Em có mức ROE âm trong giai đoạn này nhưng đang xu hướng cải thiện rất rõ rệt (từ -16,265 xuống còn -0,42%); Quỹ CEP Thành phố Hồ Chí Minh có mức ROE năm 2013 giảm so với năm 2012 nhưng lại giữ ổn định trong năm 2014.

Nếu so sánh các hệ số ROA và ROE của các tổ chức TCVM Việt Nam và các nước khác trên thế giới, cho thấy các tỷ lệ này bình quân cao hơn so với nhiều nước và thậm chí so với cả các NHTM. Mức trung bình ROA của các NHTM là 2%, và ROE là 20%, đặc biệt ấn tượng là các TCTCVM lớn của Việt Nam có hệ số rất cao. Một trong những lý do căn bản là hoạt động của các tổ chức TCVM đều có quy mô tương đối nhỏ so với các NHTM, cùng với mô hình tổ chức gọn nhẹ nên tiết kiệm được nhiều chi phí, nhất là chi phí lao động do còn nhiều cán bộ kiêm nhiệm- nhận trả lương tại các Hội Phụ nữ, Hội đoàn thể khác... dẫn đến chi phí thực tế giảm.

### 3. Một số vấn đề tồn tại trong phát triển bền vững của các tổ chức tài chính vi mô

Những số liệu thống kê cho thấy chỉ số bền vững của các tổ chức TCVM tại Việt Nam đạt được là rất đáng suy nghĩ trong tổng thể thị trường tài chính hiện nay. Hầu hết các tổ chức đã bù đắp được chi phí hoạt động và nhiều tổ chức có mức bù đắp cho chi phí vốn vay cao hơn hẳn mức chung của ngành và thậm chí là mức bình quân quốc tế, từ đó làm cho các hệ số ROA và ROE của các tổ chức TCVM cũng lớn hơn nhiều so với mức chung tham chiếu trên thế giới. Tuy nhiên, qua nghiên cứu cũng cho thấy một số vấn đề còn tồn tại nhìn từ góc độ phát triển bền vững của các tổ chức TCVM Việt Nam

như sau:

*Thứ nhất*, quy mô tài sản và vốn chủ sở hữu của các tổ chức TCVM còn hạn chế, nguồn vốn hoạt động chủ yếu từ tài trợ, vốn góp của các thành viên. Hầu hết các các tổ chức TCVM tại Việt Nam vẫn hoạt động dựa vào các tổ chức chính trị- xã hội (trừ các tổ chức đã và đang trong quá trình được NHNN cấp phép) đạt được các tiêu chí về bền vững nhờ các khoản tài trợ từ các tổ chức trong và ngoài nước. Điều này một mặt cho thấy sự thiếu vắng trong hoạt động huy động vốn và vay nợ cũng như cho vay mang tính thương mại của các tổ chức TCVM (cả về cơ sở pháp lý và thực tiễn hoạt động). Mặt khác, bản thân các tổ chức TCVM tại Việt Nam đều có quy mô còn rất nhỏ và mức tín nhiệm chưa cao để thu hút được các đối tác lớn trong cho vay hoặc đầu tư dài hạn. Từ đây dẫn đến nhận định rằng sự bền vững của các tổ chức hiện nay chưa vững chắc, các chỉ số đánh giá hiện tại chưa được phản ánh đúng khả năng tự vững của tổ chức.

*Thứ hai*, số lượng khách hàng của các tổ chức TCVM bán chính thức Việt Nam ít và các hoạt động cũng chưa đa dạng. Số khách hàng của các tổ chức TCVM ở Việt Nam chỉ bằng 50% so với mức bình quân của các tổ chức TCVM khác trên thế giới và bằng 30% mức bình quân của các tổ chức TCVM trong khu vực Châu Á (mặc dù được thành lập và hoạt động trong cùng một khoảng thời gian tương đương). Quy mô hoạt động tương đối nhỏ nên đã làm tăng cơ cấu chi phí hoạt động tính trên mỗi



khách hàng mà họ phục vụ, từ đó rất hạn chế khả năng đạt hiệu quả kinh tế nhờ quy mô.

*Thứ ba*, năng lực hoạt động của các tổ chức TCVM còn khiêm tốn. Hầu hết các tổ chức TCVM còn rất nhỏ và hoạt động manh mún (ngoại trừ Quỹ CEP Tp. Hồ Chí Minh của Tổng Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh). Chất lượng nguồn nhân lực không cao, tính chuyên nghiệp và trình độ chuyên môn rất hạn chế do đa phần cán bộ của tổ chức TCVM đều làm việc kiêm nhiệm và được chuyển từ quá trình hoạt động xã hội, phong trào sang làm quản lý và nhân viên trong lĩnh vực TCVM. Kiến thức của đội ngũ cán bộ về quản lý tài chính, ngân hàng và về TCVM hầu như chưa được trang bị một cách cơ bản mà chủ yếu tích lũy một cách thiếu hệ thống qua tác nghiệp, thực hành; hầu hết chưa nhận thức đầy đủ về vai trò và ý nghĩa của tổ chức TCVM như một trung gian tài chính thực sự trong tổng thể hệ thống tài chính chung. Thêm vào đó, kiến thức pháp luật trong lĩnh vực tài chính cũng còn nhiều hạn chế nên đã có nhiều trường hợp vi phạm các quy định pháp luật rất đáng tiếc xảy ra.

*Thứ tư*, nguồn lực tài chính đầu tư cho khu vực TCVM bán chính thức cũng rất hạn chế. Hoạt động TCVM ban đầu hình thành ở Việt Nam là thông qua các kênh giao lưu, hợp tác kinh tế cùng với chính sách mở cửa và hội nhập quốc tế của Việt Nam. Sau một thời hạn hoạt động của các chương trình, dự án do nước ngoài quản lý đến khi kết thúc, tổ chức TCVM đã định hình qua những chương trình, dự án đó được bàn giao lại cho phía Việt Nam. Điều đó đồng nghĩa với nguồn lực đầu tư chính từ nguồn tài trợ hay chương trình ban đầu cho tổ chức TCVM không còn nữa, trong khi các tổ chức TCVM không thể tiếp cận các nguồn tài chính trong nước như các NHTM hay các loại hình định chế tài chính khác do bị giới hạn bởi cơ chế chính sách và luật pháp. Nguồn ngân sách nhà nước, của địa phương, tổ chức, vốn ủy thác hầu như cũng không được triển khai qua kênh của tổ chức TCVM mà chủ yếu tập trung qua các ngân hàng.

Ngoài ra, để đánh giá mức độ bền vững của các tổ chức TCVM của các cơ quan quản lý gặp nhiều khó khăn do tính chất bán chính thức của nó và tính minh bạch thông tin, từ đó việc thu thập thông tin để đánh giá các chỉ số bền vững khó chính xác. Ngay việc ghi nhận vốn chủ sở hữu, tính toán giá trị trung bình vốn chủ sở hữu hay việc tính tổng chi phí hoạt động đã điều chỉnh cũng không đồng nhất giữa các tổ chức. Chẳng hạn, khi tính tổng chi phí hoạt động thì nhiều tổ chức chỉ cập nhập số liệu về chi phí vốn thực tế mà họ phải chi trả cho khách hàng tại kỳ báo cáo được thể hiện trên báo cáo tài chính, không thực hiện việc điều chỉnh chi phí vốn trên cơ sở tổng nợ phải trả tính theo lãi suất thương mại tại thời điểm báo cáo theo thông lệ. Thêm vào đó, khi tính toán chỉ số này các nhà quản lý, hoặc bộ phận nghiệp vụ chưa tính đến các khoản chi phí không bằng tiền mà đáng lẽ tổ chức phải trả khi không có nhà tài trợ, như chi phí chuyên gia, cố vấn... Trên thực tế có rất nhiều tổ chức TCVM đang ghi nhận phần vốn tài trợ trên khoản mục nợ dài hạn, nhưng có tổ chức lại ghi nhận phần vốn này vào nguồn vốn chủ sở hữu. Việc ghi nhận khác nhau cũng làm cho việc tính toán các chỉ số bền vững cho kết quả khác nhau.

#### 4. Kết luận

Trong thời gian qua, hoạt động của các tổ chức TCVM nói chung và tính bền vững của những tổ chức này nói riêng mặc dù đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận, nhưng ngành TCVM Việt Nam vẫn còn phải đối mặt với nhiều thách thức để có thể đạt được mục tiêu phát triển bền vững. Do vậy cần có các giải pháp phát triển các tổ chức TCVM kết hợp hài hòa giữa mục đích tìm kiếm lợi nhuận và mục đích xã hội, đáp ứng nhu cầu của khách hàng và quan trọng hơn là trở thành lực lượng đóng góp tích cực cho sự nghiệp giảm nghèo, giảm khoảng cách bất bình đẳng của các tầng lớp dân cư Việt Nam trong thời gian tới. ■

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ledgerwood (2013), "The New Microfinance Handbook", WorldBank.

2. Bản tin Tài chính vi mô (The Mixmarket)

3. Nguyễn Đức Hải (2015), "Hoạt động của các tổ chức tài chính vi mô bán chính thức-Thực trạng và khuyến nghị", Đề tài cấp Ngành Mã số: DTNH.22/2014



## SUMMARY

### The sustainable development of Vietnamese Microfinance Institutions

*In recent years, the micro-finance sector has played an important role in the process of socio-economic development, especially in poverty reduction. Besides the activities of credit institutions such as the Social Policy Bank, Cooperative Bank, the People's Credit Fund, Bank for Agriculture and Rural Development and other commercial banks..., there are small-scale organizations that provide micro-finance quite effectively. This paper mainly discusses small-scale organizations supplying micro-finance, thereby assesses issues raising in sustainable development of Vietnamese Micro-finance Institutions.*

*Keywords: Sustainable development, Microfinance, Microfinance Institutions*

## THÔNG TIN TÁC GIẢ

**Lê Văn Luyện**, Phó Giáo sư, Tiến sĩ

*Đơn vị công tác:* Học viện Ngân hàng

*Lĩnh vực nghiên cứu chính:* Tài chính- ngân hàng, tài chính vi mô, kế toán kiểm toán.

*Tạp chí tiêu biểu đã có bài viết đăng tải:* Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, Tạp chí Phát triển kinh tế, Tạp chí Ngân hàng, Tạp chí KH&ĐT Ngân hàng, Tạp chí Thị trường Tài chính- Tiền tệ, Tạp chí Thương mại.

*Email:* luyenlvhvn@yahoo.com

**Nguyễn Đức Hải**, Tiến sĩ

*Đơn vị công tác:* Trung tâm Tài chính vi mô, Học viện ngân hàng

*Lĩnh vực nghiên cứu chính:* Kinh tế học, Tài chính ngân hàng, Tài chính vi mô

*Tạp chí tiêu biểu đã có bài viết đăng tải:* Tạp chí Ngân hàng, Tạp chí Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng, Tạp chí Thị trường tiền tệ, Tạp chí Lao động và Xã hội.

*Email:* haind@hvn.edu.vn

## tiếp theo trang 8

sở cân đối cung cầu tiền, NHNN cần xem xét bơm mạnh tay hơn vốn vào thị trường từ kênh này để làm giảm mặt bằng lãi suất huy động vốn của các TCTD.

(2) Đẩy mạnh xử lý các khoản nợ xấu VAMC đã mua từ các TCTD. Hiện có hơn 210.000 tỷ nợ xấu của hệ thống TCTD đang được “nhốt” tại VAMC, trong khi các TCTD vẫn phải trích đều đặn hàng năm 20% trên số nợ xấu đã bán. Để đẩy nhanh xử lý nợ xấu đã mua, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp chủ yếu sau: (i) Tạo môi trường pháp lý thống nhất và đồng bộ để hoạt động mua, bán và xử lý nợ xấu bảo đảm thông suốt; (ii) tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức kinh tế- tài chính có năng lực và kinh nghiệm nhanh chóng tham gia thị trường mua bán nợ xấu; (iii) Ngân sách Nhà nước là nguồn tài chính cần thiết để xử lý nhanh và hiệu quả nợ xấu của các TCTD; (iv) tăng thêm và cấp đủ vốn điều lệ cho VAMC để có thể mua nợ theo giá thị trường, hoán đổi nợ thành vốn góp đối với những doanh nghiệp có khả năng phục hồi, qua đó giảm nợ xấu cho các TCTD; (v) tiếp tục hoàn thiện mô hình và cơ chế xử lý nợ xấu cho VAMC, nhất là cơ chế về tài chính và xử lý tài sản bảo đảm tiền vay.

(3) Xem xét giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với các TCTD. Giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc là công cụ điều

hành chính sách tiền tệ thường được nhiều ngân hàng trung ương lựa chọn khi áp dụng chính sách giảm mặt bằng lãi suất thị trường. Khả năng thanh khoản của các TCTD Việt Nam đã được cải thiện đáng kể trong thời gian gần đây, NHNN có thể sử dụng công cụ này để hỗ trợ giảm mặt bằng lãi suất cho vay trong những tháng cuối năm 2016.

(4) Đối với TCTD, thực hiện tiết giảm chi phí hoạt động, nâng cao hiệu quả kinh doanh để có điều kiện giảm lãi suất cho vay nhằm chia sẻ khó khăn với khách hàng vay nhưng đảm bảo an toàn tài chính trong hoạt động theo đúng tinh thần chỉ đạo tại Chi thị 04/CT- NHNN ngày 30/5/2016 của Thống đốc NHNN.

(5) Với điều kiện hiện nay, có thể cung ứng tiền thông qua kênh thu mua ngoại tệ. Việc dùng VND mua ngoại tệ thực chất là tiền được phát hành trên cơ sở hàng hóa nên hạn chế được lạm phát. Như vậy, mua ngoại tệ vừa góp phần hỗ trợ giảm lãi suất VND, vừa tăng dự trữ ngoại hối cho nhà nước. Tuy nhiên, cần cân đối ở mức hợp lý để không tạo hiệu ứng tăng tỷ giá cũng như lạm phát trong dài hạn.

(6) Chính phủ cần duy trì bộ chỉ ngân sách trong khuôn khổ chỉ tiêu được Quốc hội phê duyệt. Lạm phát do bộ chỉ ngân sách là câu chuyện được đề cập nhiều ở nước ta. Tuy nhiên, nếu Chính phủ cam

*xem tiếp trang 30*